

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2023/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH

ĐẾN

Số: 9803

Ngày: 16/8/23

Chuyển:

Số và Ký hiệu HS

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-KTNS ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Danh mục công

trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Trong đó:

1. Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 151 công trình, diện tích 495,43 héc ta (chi tiết theo Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ

a) Công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: 73 công trình, diện tích 52,42 héc ta (chi tiết theo Phụ lục II kèm theo).

b) Công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 09 công trình, diện tích 35,86 héc ta (chi tiết theo Phụ lục III kèm theo).

(Kèm theo Biểu 1: Danh mục công trình, dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh và Biểu 2: Danh mục công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa, dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ (bổ sung) năm 2023 trên địa bàn tỉnh).

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa; dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Danh mục kèm theo Nghị quyết này mà không có quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án trong năm 2023 thì được chuyển sang thực hiện trong các năm tiếp theo nhưng không được quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. *trm*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính; Bộ TN&MT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỷ họp. *TK*



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án Nhà thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 151 công trình, diện tích 495,43 héc ta; trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: 07 công trình, diện tích 4,82 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 24 công trình, diện tích 138,86 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 14 công trình, diện tích 5,90 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 19 công trình, diện tích 41,47 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 20 công trình, diện tích 156,95 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 15 công trình, diện tích 25,20 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 12 công trình, diện tích 5,21 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 06 công trình, diện tích 16,17 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 05 công trình, diện tích 10,42 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 18 công trình, diện tích 26,24 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 11 công trình, diện tích 64,19 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: không có công trình.

b) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 151 công trình, diện tích 495,43 héc ta, bao gồm:

- Đất cụm công nghiệp: 01 công trình, diện tích 5,41 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 03 công trình, diện tích 73,46 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 04 công trình, diện tích 29,93 héc ta;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 10 công trình, diện tích 118,30 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 113 công trình, diện tích 166,61 héc ta; bao gồm:
 - + Đất giao thông: 49 công trình, diện tích 66,37 héc ta;
 - + Đất thủy lợi: 17 công trình, diện tích 42,41 héc ta;
 - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 02 công trình, diện tích 3,00 héc ta;



- + Đất xây dựng cơ sở y tế: 04 công trình, diện tích 2,34 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 12 công trình, diện tích 12,53 héc ta;
- + Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 02 công trình, diện tích 1,73 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 17 công trình, diện tích 8,22 héc ta;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 01 công trình, diện tích 0,01 héc ta;
- + Đất di tích lịch sử - văn hóa: 03 công trình, diện tích 17,84 héc ta;
- + Đất bãi thải, xử lý chất thải: 01 công trình, diện tích 5,00 héc ta;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 02 công trình, diện tích 0,35 héc ta;
- + Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 02 công trình, diện tích 1,40 héc ta;
- + Đất chợ: 01 công trình, diện tích 5,41 héc ta;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 02 công trình, diện tích 0,24 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 01 công trình, diện tích 0,10 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 11 công trình, diện tích 86,23 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 05 công trình, diện tích 15,08 héc ta;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 01 công trình, diện tích 0,07 héc ta;

W nnc

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 10 héc ta đất trồng lúa: 73 công trình, diện tích 52,42 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Huyện An Lão: 05 công trình, diện tích 1,16 héc ta.
- Thị xã Hoài Nhơn: 08 công trình, diện tích 13,94 héc ta.
- Huyện Hoài Ân: 09 công trình, diện tích 2,84 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 09 công trình, diện tích 2,32 héc ta.
- Huyện Phù Cát: 08 công trình, diện tích 6,50 héc ta.
- Thị xã An Nhơn: 09 công trình, diện tích 8,09 héc ta.
- Huyện Tuy Phước: 10 công trình, diện tích 1,38 héc ta.
- Huyện Tây Sơn: 06 công trình, diện tích 6,87 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 01 công trình, diện tích 0,5 héc ta.
- Huyện Vân Canh: 03 công trình, diện tích 0,28 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 05 công trình, diện tích 8,54 héc ta.

2. Phân theo mục đích sử dụng đất

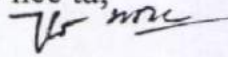
a) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,16 héc ta (huyện An Lão).

b) Công trình thu hồi đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 72 công trình, diện tích 52,26 héc ta, bao gồm:

- Đất an ninh: 08 công trình, diện tích 2,72 héc ta;
- Đất cụm công nghiệp: 01 công trình, diện tích 5,72 héc ta;
- Đất thương mại, dịch vụ: 02 công trình, diện tích 2,48 héc ta;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 01 công trình, diện tích 0,66 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 50 công trình, diện tích 25,39 héc ta; bao gồm:
 - + Đất giao thông: 26 công trình, diện tích 9,72 héc ta;
 - + Đất thủy lợi: 07 công trình, diện tích 11,51 héc ta;
 - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 01 công trình, diện tích 0,20 héc ta;



- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 04 công trình, diện tích 0,86 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 09 công trình, diện tích 1,57 héc ta;
- + Đất công trình bưu chính, viễn thông: 01 công trình, diện tích 0,01 héc ta;
- + Đất cơ sở tôn giáo: 01 công trình, diện tích 0,07 héc ta;
- + Đất chợ: 01 công trình, diện tích 1,46 héc ta;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 01 công trình, diện tích 0,10 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 05 công trình, diện tích 9,02 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 04 công trình, diện tích 6,16 héc ta;



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Các công trình, dự án sử dụng dưới 20 héc ta đất rừng phòng hộ: 09 công trình, diện tích 35,86 héc ta, trong đó:

1. Phân theo địa bàn các huyện, thị xã, thành phố

- Thị xã Hoài Nhơn: 02 công trình, diện tích 20,32 héc ta.
- Huyện Phù Mỹ: 02 công trình, diện tích 0,97 héc ta.
- Huyện Vĩnh Thạnh: 02 công trình, diện tích 7,00 héc ta.
- Thành phố Quy Nhơn: 03 công trình, diện tích 7,57 héc ta.

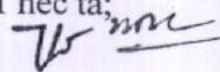
2. Phân theo mục đích sử dụng đất

a) Sử dụng vào mục đích nông nghiệp: không có công trình.

b) Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp: 09 công trình, diện tích 35,86 héc ta, bao gồm:

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 02 công trình, diện tích 6,94 héc ta;
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 05 công trình, diện tích 8,24 héc ta; bao gồm:

- + Đất giao thông: 02 công trình, diện tích 2,36 héc ta;
- + Đất công trình năng lượng: 02 công trình, diện tích 0,38 héc ta;
- + Đất di tích lịch sử - văn hóa: 01 công trình, diện tích 5,50 héc ta;
- Đất ở tại nông thôn: 01 công trình, diện tích 19,97 héc ta;
- Đất ở tại đô thị: 01 công trình, diện tích 0,71 héc ta;





BIỂU 01
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG (BỘ SƯNG) NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
I	HUYỆN AN LÃO			4,82	0,02				4,80	
1	Cầu Bến Nhon	DGT	xã An Hòa	0,50					0,50	
2	Đường GTNT Tuyến từ Nhà Ông Dương đến sau trường Tiểu học T1	DGT	xã An Hưng	2,20					2,20	
3	Đường giao thông nông thôn Tuyến đường nội bộ thôn khu dân cư Tamang Krai	DGT	xã An Hưng	0,81					0,81	
4	Mở rộng trạm y tế xã An Quang	DYT	xã An Quang	0,04					0,04	
5	Xây dựng tuyến đường dây dẫn điện 35KV thuộc dự án Thủy điện Đồng Mít	DNL	Xã An Trung, Xã An Tân, Thị trấn An Lão, Xã An Hòa	0,07	0,02				0,05	
6	Cầu Sông Dinh	DGT	Thị trấn An Lão	0,40					0,40	

Thư



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
7	Thủy điện Đồng Mít	DNL	xã An Trung	0,80					0,80
II	HUYỆN HOÀI AN			5,90	0,49	0,11			5,31
1	Xây dựng mới trường Mầm non Bók Tới	DGD	Xã Bok Tới	0,13					0,13
2	Xây dựng sân vận động xã	DTT	Xã Ân Hữu	1,49					1,49
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào hồ Vạn Hội	DGT	Xã Ân Sơn	0,26					0,26
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu thác đổ vào đồng Nhà Mươi	DGT	Xã Ân Tín	0,80	0,04				0,76
5	BTXM từ nhà văn hóa thôn Mỹ Thành đến nhà ông Hùng	DGT	Xã Ân Mỹ	0,14	0,10				0,04
6	Nâng cấp, mở rộng từ cầu Nước Lương đến thôn T6	DGT	Xã Đăk Mang	1,61	0,05				1,56
7	Tuyến từ nhà bà Tuyết đi bãi rác thôn Gia Đức	DGT	Xã Ân Đức	0,40	0,20	0,10			0,10
8	Nâng cao khả năng vận hành an toàn lưới điện 110kV khu vực Bình Định năm 2023	DNL	Xã Ân Tường Tây, Xã Ân Nghĩa	0,02	0,02				0,01
9	Dự án nâng cao khả năng vận hành an toàn lưới điện 110kv khu vực Bình Định năm 2021; Xử lý sạt lở VT 103 đường dây 110kV Vĩnh Sơn – Mộ Đức	DNL	Xã Ân Đức	0,01		0,01			

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
10	Tuyến đường điện đi dời, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện Hoài Ân	DNL	Xã Ân Thạnh	0,16	0,08				0,08
11	Chùa Diệu Giác	TON	Xã Ân Nghĩa	0,28					0,28
12	Nhà văn hóa thôn Mỹ Đức	DSH	Xã Ân Mỹ	0,04					0,04
13	Nhà làm việc ban chỉ huy quân sự xã Ân Sơn	TSC	Xã Ân Sơn	0,07					0,07
14	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Ân Hữu	DTL	Xã Ân hữu	0,49					0,49
III	THỊ XÃ HOÀI NHƠN			138,86	13,87	21,18	20,32		83,49
1	Mở đất, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	SKX	Phường Bồng Sơn	4,00		4,00			
2	Cụm Công nghiệp Ngọc Sơn - Phường Hoài Thanh Tây	SKN	Phường Hoài Thanh Tây	5,41					5,41
3	Di dời nhà làm việc Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn do giải phóng mặt bằng mở rộng bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn	DYT	Phường Bồng Sơn	0,04					0,04

Thư me



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
4	Mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Hoài Nhơn thuộc dự án: Đầu tư xây dựng, mở rộng, nâng cấp 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Bình Định	DYT	Tam Quan	0,84					0,84
5	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng); hạng mục: Khu điều trị hệ Ngoại, Sản, Phẫu thuật gây mê hồi sức và các hạng mục phụ trợ	DYT	Phường Bồng Sơn	1,42					1,42
6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Bồng Sơn (Trường mầm non Hòa Mi - Điểm mới; Mở rộng Trường tiểu học Bồng Sơn (điểm Tin Lành); Mở rộng Trường trung học cơ sở Bồng Sơn)	DGD	Phường Bồng Sơn	0,52	0,06				0,46
7	Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe Hạng I, thị xã Hoài Nhơn (Đầu tàu)	DGD	Phường Hoài Thanh Tây	5,79					5,79
8	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Hoài Đức (trường mầm non Hoài Đức (điểm trường Định Bình, Diễn Khánh)	DGD	Phường Hoài Đức	0,30					0,30

Thư mục

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
9	Mở rộng khu hành chính xã và mở mới tuyến đường Tây Nam xã Hoài Sơn	DGT	Xã Hoài Sơn	1,04	0,54				0,50	
10	Mở rộng, nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước tuyến đường từ Bura điện đến giáp ngã ba rừng dương	DGT	Xã Hoài Hải	1,98					1,98	
11	Khu bến cảng Phù Mỹ (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ)	DGT	Xã Hoài Mỹ	25,34					25,34	
12	Trạm bơm giếng và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước tại phường Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn	DTL	Phường Bồng Sơn	0,43					0,43	
13	Trạm bơm và tuyến đường ống dẫn nước từ sông Lại Giang về Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ)	DTL	Xã Hoài Mỹ; Phường Hoài Đức	14,74	8,00	2,96			3,78	
14	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện TBA 110Kv Hoài Nhơn năm 2023	DNL	Phường Bồng Sơn	0,19					0,19	
15	Đường dây 220kV đầu nối từ Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ - Gang thép Long Sơn và Trạm biến áp 220kV Gang thép Long Sơn tại thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ	DNL	Xã Hoài Mỹ	1,80	0,25	0,45	0,35		0,75	



Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
16	Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định): Di dời các tuyến điện cao thế 110kV và 220kV	DNL	Hoài Thanh Tây, Hoài Tân, Bồng Sơn, Hoài Đức	0,62		0,17			0,45
17	Nâng cấp, mở rộng nhà lưu niệm chi bộ Cửu Lợi	DDT	Phường Tam Quan Nam	0,84					0,84
18	Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt thị xã Hoài Nhơn	DRA	Phường Bồng Sơn	5,00		5,00			0,40
19	Khu cải táng GPMB cụm Công nghiệp Tường Sơn	NTD	Xã Hoài Sơn	0,40					3,95
20	Chợ Tam Quan Bắc kết hợp với khu dân cư mới (Đầu thau)	DCH	Phường Tam Quan Bắc	5,41	1,46				
21	Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc: - Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (Khu dân cư phía Đông điểm TĐC số 1 thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc; Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Chương Hoà); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An, phía Nam KDC thị xã đầu tư)); - Khu dân cư thôn Gia An Nam.	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	5,07	3,15				1,92

Thư mục

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
7	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ	DTL	TT Phù Mỹ	0,50	0,18				0,32	
8	Kiên cố hóa bờ tả đê sông La Tĩnh (đoạn hạ lưu từ ao tôm ông Phê đến chòi tôm ông Lập).	DTL	Xã Mỹ Chánh	0,88					0,88	
9	Kênh tiêu thoát nước từ Hiệp An đi An Xuyên 1	DTL	Xã Mỹ Chánh	0,68					0,68	
10	Trường mẫu giáo xã Mỹ Lợi	DGD	Xã Mỹ Lợi	0,55					0,55	
11	Mở rộng Trường Mẫu giáo Mỹ Chánh Tây	DGD	Mỹ Chánh Tây	0,10					0,10	
12	QH công viên cây xanh KDC Kiên Phú	DKV	Xã Mỹ Tài	0,10	0,10					
13	Khu dân cư Chánh Giáo (sau nhà hàng Nam Thịnh Phát,...)	ONT	Xã Mỹ An	2,10					2,10	
14	Khu dân cư thôn Trung Thuận	ONT	Xã Mỹ Chánh Tây	1,10	1,10					
15	Nhà máy chế biến gỗ	SKC	Xã Mỹ Trinh	1,75	0,66				1,09	
16	Nhà máy may Phù Mỹ	SKC	Xã Mỹ Chánh	3,00					3,00	
17	Quy hoạch mở rộng của điểm mở TDP M26 để khai thác vật liệu đất san lấp phục vụ Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Định.	SKX	Xã Mỹ Hiệp	18,88		18,35			0,53	

Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				Đất khác (ha)
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
22	Khu tái định cư phục vụ các dự án trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phú Mỹ)	ONT	Xã Hoài Hải	9,37					9,37
23	Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây: +Khu dân cư bờ kè sông Xương; +Khu dân cư Ngọc Sơn Bắc	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	1,51	0,41				1,10
24	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phú Mỹ	ONT	xã Hoài Mỹ	46,80		8,60	19,97		18,23
IV	HUYỆN PHÚ MỸ			41,47	2,32	21,61	1,11		16,43
1	Cấp phối tuyến đường từ hồ Chòi Hiền đến cây Trâm Rầy Chử	DGT	Xã Mỹ Chánh Tây	0,25					0,25
2	Làm mới đường từ nhà bà Triệu đến cửa An Hòa	DGT	Xã Mỹ Đức	0,15	0,10				0,05
3	Đường dẫn hai bên đầu cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức	DGT	Xã Mỹ Đức	1,54	0,01				1,53
4	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị, thị trấn Phú Mỹ	DGT	TT Phú Mỹ	0,37	0,08				0,29
5	Nâng cấp tuyến đường khu vực trung tâm đô thị Mỹ Chánh	DGT	Xã Mỹ Chánh	2,10	0,08				2,02
6	Đường Đèo Nhông-Mỹ Thọ	DGT	Mỹ Phong, Mỹ Thọ	2,26	0,01	1,81			0,44

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
18	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110KV Phù Mỹ - An Nhơn	DNL	Xã Mỹ Trinh, Mỹ Quang, thị trấn Phù Mỹ	0,20		0,03	0,17			
19	Mô vật liệu Hồ chứa nước Đá Bàn thuộc Dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	SKX	Xã Mỹ An	4,96		1,42	0,94		2,60	
V	HUYỆN PHÚ CÁT			156,95	6,40	46,52	21,80		82,23	
1	Khu đô thị và du lịch An Quang, xã Cát Khánh (89,2 ha)	TMD	xã Cát Khánh	55,85			21,80		34,05	
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La tinh (do điều chỉnh tuyến kênh N3 ra ngoài đường cao tốc Bắc - Nam)	DTL	xã Cát Hiệp	0,54	0,34				0,20	
3	Di dời các tuyến điện cao thế 110kV và 220kV phục vụ thi công dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam	DNL	xã Cát Hiệp	0,03	0,03					
4	Khu giết mổ và chế biến thực phẩm tỉnh Bình Định	SKC	xã Cát Hiệp	23,00		23,00				
5	Mô đất thôn Phú Trung xã Cát Thành	SKX	Cát Thành	25,95					25,95	
6	Mô đất xã Cát Tài	SKX	Cát Tài	3,50		3,50				
7	Mô đất xã Cát Hanh	SKX	Cát Hanh	3,00					3,00	
8	Mô đất xã Cát Khánh	SKX	Cát Khánh	11,41		10,52			0,89	



Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
9	Mở đất xã Cát Nhơn	SKX	Cát Nhơn	21,00		9,00			12,00
10	Trường Tiểu học Cát Thành (phần trường Chánh Thắng, thực hiện thủ tục đất đai); Trường Mẫu giáo (thôn Chánh Hóa, thôn Chánh Thiện)	DGD	Cát Thành	0,68	0,16				0,52
11	Trường Mẫu giáo bán trú thị trấn Ngô Mây tại Khu An Thọ	DGD	Ngô Mây	0,35					0,35
12	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Lâm	DGD	Cát Lâm	0,80					0,80
13	Khu thể dục, thể thao	DTT	xã Cát Khánh	0,24					0,24
14	Mở rộng đường giao thông (tuyến từ nhà Văn Hoá thôn Vân Triều đến nhà bà Tô Thị Triều)	DGT	xã Cát Chánh	0,06	0,06				
15	Quy hoạch mở rộng Nghĩa Trang nhân dân 2	NTD	xã Cát Minh	1,00		0,50			0,50
16	Khu dân cư xã Cát Chánh (KDC thôn Chánh Hội)	ONT	Cát Chánh	2,20	2,20				
17	Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã (Giai đoạn 1) và chỉnh trang khép kín khu dân cư xã	ONT	Cát Hưng	2,50	1,86				0,64
18	Chỉnh trang khép kín khu dân cư xã Cát Thành	ONT	Cát Thành	0,58					0,58
19	Khu dân cư địa làng xã Cát Khánh	ONT	Cát Khánh	1,80					1,80

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
20	Chỉnh trang dòng suối Thố kết hợp đường giao thông và khu dân cư	ODT	Ngô Mây	2,46	1,75				0,71	
VI	HUYỆN TUY PHƯỚC			5,21	1,38	0,55			3,28	
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn vịnh - Nha Trang, tuyến đường Sắt Hà Nội - TP.HCM trên địa bàn tỉnh Bình Định	DGT	Phước An	1,28	0,31				0,97	
2	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Phụng Sơn	DGT	Phước Sơn	0,09	0,05				0,04	
3	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM Lộc Thương	DGT	Phước Sơn	0,09	0,05				0,04	
4	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa tuyến Đường Hưng Nghĩa - Phước Hiệp (Km2+208/DH.42 UBND xã Phước Nghĩa đến Km3+ 256/DH.42 Thánh thất Giang Nam, Ph. Hiệp)	DGT	Phước Nghĩa	0,44	0,44					
5	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa đường Đường Thọ Nghĩa- Luật Chánh (Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kinh tế đến giáp thôn Luật Chánh (Ph. Hiệp)	DGT	Phước Nghĩa	0,27	0,20				0,07	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ DH 42 đến giáp xóm Gò thôn Hưng Nghĩa	DGT	Phước Nghĩa	0,17	0,17					

Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					Đất khác (ha)
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)		
7	Mở rộng đường Khu Trung tâm xã	DGT	Phước Hưng	0,01					0,01	
8	Hạng mục di dời hệ thống điện	DNL	Phước Thành, Phước An	0,73	0,03	0,55			0,15	
9	Xây dựng bưu điện xã	DBV	Phước Hưng	0,01	0,01					
10	Mở rộng Chùa Bích Nam	TON		0,07	0,07					
11	Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn	DGT	Thị trấn Diêu Trì	0,67	0,05				0,62	
12	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập đá (Đập Thông Chín)	DTL	xã Phước lộc	1,39					1,39	
VII	HUYỆN TÂY SƠN			16,17	1,00				15,18	
1	Bổ sung Dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	DTL	Thị trấn Phú Phong	0,40	0,07				0,33	
2	Mở rộng quảng trường Tây Sơn	DVH	Thị trấn Phú Phong	2,00					2,00	
3	Mở rộng trường Mầm Non (điểm chính thôn 2)	DGD	Xã Bình Nghi	0,50	0,43				0,07	
4	Mở rộng trường Mầm Non Tây Xuân	DGD	Xã Tây Xuân	0,24					0,24	
-	Dự án thủy điện và tuyến đường dây điện 22kV thuộc dự án thủy điện hạ lưu đập dâng Phú Phong	DNL	Thị trấn Phú Phong	2,03	0,50				1,53	
6	Mở rộng đền thờ Võ Văn Dũng	DDT	Xã Tây Phú	11,00					11,00	

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
VIII	HUYỆN VINH THẠNH			10,42	0,50		7,00		2,92	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Góp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	DDT	Xã Vĩnh Thịnh	6,00			5,50		0,50	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Góp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh (Hạng mục: Đường vào Góp Nước Ló)	DGT	Xã Vĩnh Thịnh	1,50			1,50			
3	BTXM đường từ DH29 đến khu thể dục thể thao xã	DGT	Xã Vĩnh Thịnh	0,50	0,50					
4	Đất ở khu dân cư thôn Định Thái (Điểm lè Định Thái)	ONT	Xã Vĩnh Quang	0,24					0,24	
5	Mở rộng nhà máy tinh bột sắn	SKC	Xã Vĩnh Quang	2,18					2,18	
IX	HUYỆN VĂN CANH			26,24	0,28	20,88			5,08	
1	Nhà trưng bày làng Hà Văn Trên	DVH	Canh Thuận	1,00					1,00	
2	Nâng cấp đường BTXM, cống bi thoát nước từ làng Hòn Mè đi làng Canh Lành	DGT	Canh Hòa	0,40					0,40	
3	Xây dựng đường BTXM từ đất ông Lữ đến đất ông Trị làng Canh Lành	DGT	Canh Hòa	0,40		0,40				
4	Mở rộng, bê tông hoá đường từ bụi tre nhà ông Ánh đến nghĩa địa nổi dài (405m)	DGT	Canh Hiến	0,08		0,08				

Thư me

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
5	Xây dựng tuyến đường BTXM từ ruộng sạ đến suối Gấu	DGT	Canh Thuận	0,32	0,03				0,29
6	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đất ông Tằm đi đến suối Kết	DGT	Canh Thuận	0,15		0,10			0,05
7	Xây dựng tuyến đường BTXM từ đường liên xã đến Cống Chà Rang	DGT	Canh Thuận	0,20					0,20
8	Đường nối tiếp BTXM từ đường Hòn Lui đến thị trấn (hạng mục BTXM mặt đường và hệ thống thoát nước)	DGT	Canh Thuận	0,71		0,18			0,53
9	Đường BTXM từ ruộng ông Vững đến khu sản xuất Suối Cát	DGT	Canh Liên	0,12		0,12			
10	Nâng cấp mở rộng đường từ nhà ông Trọng đến ngã ba nhà bà Ngà	DGT	TT Vân Canh	0,40					0,40
11	Kè khu dân cư làng suối đá từ cầu bản phía Tây đến đường sắt	DTL	Canh Hiệp	0,50					0,50
12	Dự án cải tạo và phát triển lưới điện trung hạ áp trên địa bàn xã Canh Vinh (giai đoạn 2)	DNL	Canh Vinh	0,02					0,02
13	Nhà Văn Hóa làng Hà Lũy	DSH	Canh Thuận	0,20	0,20				
14	Quy hoạch đất ở đô thị khu phố Tân Thuận	ODT	TT Vân Canh	0,21					0,21
15	Mô đất sang lấp xã Canh Hiền (phục vụ tuyến đường cao tốc Bắc-Nam)	SKX	Canh Hiền	20,00		20,00			

Thư viện

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
16	Nâng cấp, mở rộng đường Ngõ Mây (đoạn từ nhà Ga đến sân bay)	DGT	TT Vân Canh	0,33					0,33	
17	Đường BTXM từ đất ông Nhứt đến Trường THCS	DGT	TT Vân Canh	0,42	0,05				0,37	
18	Sửa chữa, nâng cấp cường mặt đường tuyến đường Quốc lộ 19C, đoạn từ Diêu Trì - Mục Thịnh	DGT	Canh Vinh, Canh Hiền, Canh Hiệp, Canh Thuận, TT Vân Canh	0,78					0,78	
X	THỊ XÃ AN NHƠN			25,20	8,09	6,09			11,02	
1	Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát)	DGT	xã Nhơn Mỹ	2,28	1,72				0,56	
2	Hệ thống giao thông phường Nhơn Hưng: - Mở rộng bê tông đường giao thông từ nhà ông Sơn đến nhà ông Khiêm; ht 3M, QH 6M, dài 650M; - Mở rộng tuyến đường Lương Định Của	DGT	Phường Nhơn Hưng	0,59					0,59	

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
3	Tuyến đường trục Đông - Tây: Đoạn từ ĐT.636, xã Nhơn Khánh kết nối với đường Quốc lộ 19	DGT	Xã Nhơn Khánh, Xã Nhơn Lộc, Xã Nhơn Thọ	0,49					0,49
4	Công viên Hồ sen, Nhơn Hậu (Hạng mục: đường giao thông quanh hồ, bó vỉa, vỉa hè, cây xanh) (chiều dài 1,9km; bề rộng nền đường 15m)	DGT	Xã Nhơn Hậu	3,60	1,90				1,70
5	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ ĐT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trục - Trần Khánh Dư)	DGT	Xã Nhơn Khánh, Phường Nhơn Hòa	5,64	2,74				2,90
6	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá (hạng mục Đập Gò Chàm)	DTL	xã Nhơn Mỹ; Nhơn Khánh	0,72					0,72
7	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá (hạng mục Đập Thuận Hật)	DTL	phường Nhơn Thành	1,86	0,03				1,83
8	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá (hạng mục Đập Gò Đậu)	DTL	xã Nhơn An	0,26					0,26
9	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá (hạng mục Đập Cây Bứa)	DTL	Phường Nhơn Hoà; xã Nhơn Thọ	0,67					0,67
10	Đập Thạnh Hoà	DTL	Phường Nhơn Hoà	0,90	0,04				0,86

Ước tính

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
11	Di dời các tuyến điện cao thế 110kv và 220kv phục vụ thi công Dự án thành phần đoạn Hoài Nhon - Quy Nhon; Đoạn Quy Nhon - Chí Thạnh (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Phường Nhon Hòa	1,08	0,52	0,49			0,07	
12	Di dời hạ tầng kỹ thuật điện phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa bàn Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thuộc dự án thành phần: Dự án thành phần đoạn Quy Nhon - Chí Thạnh (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Phường Nhon Hòa	0,05	0,01				0,04	



Trần Văn

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
13	Di dời hạ tầng kỹ thuật điện phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa bàn Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thuộc dự án thành phần: Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Xã Nhơn Phúc, Xã Nhơn Lộc, Phường Nhơn Hòa	0,17	0,13				0,04
14	Mỏ đất san lấp sử dụng cho tuyến chính cao tốc đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn (174A)	SKX	Xã Nhơn Tân	5,60		5,60			
15	Kho xăng dầu hàng không để cung cấp nhiên liệu cảng hàng không Phù Cát	TMD	Phường Nhơn Thành	1,30	1,00				0,30
XI	THÀNH PHỐ QUY NHƠN			64,19	8,54	0,26	1,57		53,32
1	Xử lý sạt lở mái taluy đường Nguyễn Tất Thành (nối dài) do mưa lũ năm 2021	DGT	P. Lê Hồng Phong	1,10			0,86		0,24
2	Phân khu A4 thuộc Khu Đô thị mới Long Vân Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	ODT	P. Trần Quang Diệu	9,03	3,10		0,71		5,22

Thư mục

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất					
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)	
3	Khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa; Hàng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software	TMD	P. Ghềnh Ráng	16,31	1,48				14,83	
4	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh theo QĐ số 3764/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh với diện tích tăng thêm 0,45 ha)	DTL	P. Nhơn Phú; P. Nhơn Bình;	16,95	2,85				14,10	
5	Xây dựng mới trường trung học phổ thông đề giảm tải Trường Trung học phổ thông Hùng Vương	DGD	P. Nhơn Phú	2,57	0,21				2,36	
6	Tuyến đường hẻm phía Nam trụ sở UBND xã Nhơn Hải (Đoạn từ Dinh Bà Cổ thông ra tuyến đường dọc kè biển Nhơn Hải) Thuộc điểm số 4 - HTKT khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải	DGT	X. Nhơn Hải	0,34					0,34	
7	Khu Quy hoạch nhà ở xã hội tại Khu đất phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú	ODT	P. Nhơn Phú	1,87	0,90				0,97	



Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
8	Xây dựng điểm số 3, thuộc đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các khu dân cư Trung tâm xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn Khu đa chức năng bao gồm: Công trình công cộng, giáo dục, Khu ở mới kết hợp thương mại, Khu thương mại, trục không gian đi bộ, cầu vồng cảnh. (Có trong quy hoạch thời kỳ 2021-2030)	ONT	X. Nhơn Hải	14,47					14,47
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Mở rộng tuyến đường dọc kè Lý Chánh - Lý Hòa, xã Nhơn Lý	DGT	X. Nhơn Lý	0,79					0,79
10	Di dời hạ tầng kỹ thuật điện phục vụ GPMB đoạn đi qua địa bàn thành phố Quy Nhơn. Thuộc dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (thuộc dự án công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	P. Bùi Thị Xuân	0,26		0,26			

Thư mm

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thu hồi (ha)	Sử dụng vào loại đất				
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng sản xuất (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Đất khác (ha)
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Tuyến kè kết hợp chỉnh trang vị trí phía Nam cầu Huỳnh Tấn Phát, đoạn từ ngã ba Lê Trọng Tấn - Hoàng Cầm đến đường Nguyễn Quăng, phường Đồng Đa. (Tổng diện tích quy hoạch công trình là 1,41 ha)	DTL	P. Đồng Đa	0,50					0,50
	TỔNG CỘNG			495,43	42,88	117,19	51,80		283,06

Ths mm



BIỂU 02

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG DƯỚI 10 HÉC TA ĐẤT TRỒNG LÚA, DƯỚI 20 HÉC TA ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, DƯỚI 20 HÉC TA RỪNG ĐẶC DỤNG (BỎ SUNG) NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: ha

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
I	HUYỆN AN LÃO			21,45	1,16	0,00	0,00
1	Nhà làm việc công an xã An Hòa	CAN	xã An Hòa	0,14	0,05		
2	Đường từ trạm bơm bầu dài vào khu nghĩa địa Gò Cây Trâm	DGT	xã An Hòa	0,21	0,04		
3	Khu chăn nuôi tập trung Hóc Quần	NKH	xã An Hòa	12,00	0,16		
4	Đất ở xã An Hòa	ONT	xã An Hòa	8,86	0,71		
5	Cầu Thuận An	DGT	Xã An Tân	0,24	0,20		
II	HUYỆN HOÀI ÂN			5,85	2,84	0,00	0,00
1	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Ân Nghĩa	CAN	Xã Ân Nghĩa	0,10	0,10		
2	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Ân Mỹ	CAN	Xã Ân Mỹ	0,32	0,05		
3	Xây dựng mới Trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Ân	CAN	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	2,20	2,20		
4	Nhà văn hóa xã Đăk Mang	DVH	Xã Đăk Mang	0,10	0,00		

Ths msc

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu thác đổ vào đồng Nhà Muối	DGT	Xã Ân Tín	0,80	0,04		
6	BTXM từ nhà văn hóa thôn Mỹ Thành đến nhà ông Hùng	DGT	Xã Ân Mỹ	0,14	0,10		
7	Nâng cấp, mở rộng từ cầu Nước Lương đến thôn T6	DGT	Xã Đăk Mang	1,61	0,05		
8	Tuyến từ nhà bà Tuyết đi bãi rác thôn Gia Đức	DGT	Xã Ân Đức	0,40	0,20		
9	Nâng cao khả năng vận hành an toàn lưới điện 110kV khu vực Bình Định năm 2023	DNL	Xã Ân Tường Tây, Xã Ân Nghĩa	0,02	0,02		
10	Tuyến đường điện di dời, phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện Hoài Ân	DNL	Xã Ân Thạnh	0,16	0,08		
III	THỊ XÃ HOÀI NHƠN			76,42	13,94	20,32	0,00
1	Nhà làm việc công an xã	CAN	Xã Hoài Phú	0,07	0,07		
2	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo phường Bồng Sơn (Trường mầm non Hòa Mi - Diêm mới; Mở rộng Trường tiểu học Bồng Sơn (điểm Tin Lành); Mở rộng Trường trung học cơ sở Bồng Sơn)	DGD	Phường Bồng Sơn	0,52	0,06		

Thị xã

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
3	Mở rộng khu hành chính xã và mở mới tuyến đường Tây Nam xã Hoài Sơn	DGT	Xã Hoài Sơn	1,04	0,54		
4	Trạm bơm và tuyến đường ống dẫn nước từ sông Lại Giang về Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phú Mỹ (phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phú Mỹ)	DTL	Xã Hoài Mỹ	14,19	8,00		
5	Đường dây 220kV đầu nối từ Trạm biến áp 220kV Phú Mỹ - Gang thép Long Sơn và Trạm biến áp 220kV Gang thép Long Sơn tại thôn Lộ Diêu, xã Hoài Mỹ	DNL	Xã Hoài Mỹ	1,80	0,25	0,35	
6	Chợ Tam Quan Bắc kết hợp với khu dân cư mới (Đầu trâu)	DCH	Phường Tam Quan Bắc	5,41	1,46		
7	Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc: - Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (Khu dân cư phía Đông điểm TĐC số 1 thôn Gia An Đông xã Hoài Châu Bắc; Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Chương Hoà); Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc (thôn Liễu An, phía Nam KDC thị xã đầu tư)); - Khu dân cư thôn Gia An Nam.	ONT	Xã Hoài Châu Bắc	5,07	3,15	0,00	



Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
8	Khu dân cư phường Hoài Thanh Tây: +Khu dân cư bờ kè sông Xương; +Khu dân cư Ngọc Sơn Bắc	ODT	Phường Hoài Thanh Tây	1,51	0,41		0,00
9	Khu tái định cư phục vụ dự án Khu liên hợp gang thép Long Sơn Phù Mỹ	ONT	xã Hoài Mỹ	46,80		19,97	
IV	HUYỆN PHÙ MỸ			15,03	2,32	0,97	0,00
1	Làm mới đường từ nhà bà Triệu đến cửa An Hòa	DGT	Xã Mỹ Đức	0,15	0,10		
2	Đường dẫn hai bên đầu cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức	DGT	Xã Mỹ Đức	1,54	0,01		
3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông nội thị, thị trấn Phù Mỹ	DGT	TT Phù Mỹ	0,37	0,08		
4	Nâng cấp tuyến đường khu vực trung tâm đô thị Mỹ Chánh	DGT	Xã Mỹ Chánh	2,10	0,08		
5	Đường Đèo Nhông-Mỹ Thọ	DGT	Mỹ Phong, Mỹ Thọ	2,26	0,01		
6	Hệ thống thoát nước thị trấn Phù Mỹ	DTL	TT Phù Mỹ	0,50	0,18		
7	QH công viên cây xanh KDC Kiên Phú	DKV	Xã Mỹ Tài	0,10	0,10		
8	Khu dân cư thôn Trung Thuận	ONT	Xã Mỹ Chánh Tây	1,10	1,10		
9	Nhà máy chế biến gỗ	SKC	Xã Mỹ Trinh	1,75	0,66		

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
10	Dự án Lắp mạch 2 đường dây 110KV Phù Mỹ - An Nhơn	DNL	Xã Mỹ Trinh, Mỹ Quang, thị trấn Phù Mỹ	0,20		0,03	
11	Mỏ vật liệu Hồ chứa nước Đá Bàn thuộc Dự án Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025	SKX	Xã Mỹ An	4,96		0,94	
V	HUYỆN PHÚ CÁT			8,57	6,50	0,00	0,00
1	Nhà làm việc Công an xã Cát Trinh	CAN	Cát Trinh	0,10	0,10		
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi La tinh (do điều chỉnh tuyến kênh N3 ra ngoài đường cao tốc Bắc - Nam)	DTL	xã Cát Hiệp	0,54	0,34		
3	Di dời các tuyến điện cao thế 110kV và 220kV phục vụ thi công dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam	DNL	xã Cát Hiệp	0,03	0,03		
4	Trường Tiểu học Cát Thành (phần trường Chánh Thẳng, thực hiện thủ tục đất đai); Trường Mẫu giáo (thôn Chánh Hóa, thôn Chánh Thiện)	DGD	Cát Thành	0,68	0,16		

Handwritten signature/initials



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
5	Mở rộng đường giao thông (tuyến từ nhà Văn Hoá thôn Vân Triều đến nhà bà Tô Thị Triều)	DGT	xã Cát Chánh	0,06	0,06		
6	Khu dân cư xã Cát Chánh (KDC thôn Chánh Hội)	ONT	Cát Chánh	2,20	2,20		
7	Quy hoạch khu dân cư trung tâm xã (Giai đoạn 1) và chỉnh trang khép kín khu dân cư xã	ONT	Cát Hưng	2,50	1,86		
8	Chỉnh trang dòng suối Thó kết hợp đường giao thông và khu dân cư	ODT	Ngô Mây	2,46	1,75		
VI	HUYỆN TUY PHƯỚC			5,20	1,38	0,00	0,00
1	Dự án cải tạo, nâng cấp đoạn vịnh - Nhà Trang, tuyến đường Sát Hà Nội - TP.HCM trên địa bàn tỉnh Bình Định	DGT	Phước An	1,28	0,31		
2	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM thôn Phụng Sơn	DGT	Phước Sơn	0,09	0,05		
3	Mở rộng, nâng cấp đường BTXM Lộc Thượng	DGT	Phước Sơn	0,09	0,05		
4	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa tuyến Đường Hưng Nghĩa - Phước Hiệp (Km2+208/ĐH.42 UBND xã Phước Nghĩa đến Km3+ 256/ĐH.42 Thánh thất Giang Nam, Ph. Hiệp)	DGT	Phước Nghĩa	0,44	0,44		

Thư

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
5	Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa đường Đường Thọ Nghĩa- Luật Chánh (Nhà sinh hoạt cộng đồng xóm Kinh tế đến giáp thôn Luật Chánh (Ph. Hiệp)	DGT	Phước Nghĩa	0,27	0,20		
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ DH 42 đến giáp xóm Gò thôn Hưng Nghĩa	DGT	Phước Nghĩa	0,17	0,17		
7	Hàng mục di dời hệ thống điện	DNL	Phước Thành, Phước An	0,73	0,03		
8	Xây dựng bưu điện xã	DBV	Phước Hưng	0,01	0,01		
9	Mở rộng Chùa Bích Nam	TON		0,07	0,07		
10	Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối Cảng Quy Nhơn	DGT	Thị trấn Diêu Trì	0,67	0,05		
11	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập đá (Đập Thông Chín)	DTL	xã Phước lộc	1,39			
VII HUYỆN TÂY SƠN				53,23	6,87	0,00	0,00
1	Nhà làm việc công an xã	CAN	Xã Tây Vinh	0,10	0,10		
2	Nhà làm việc công an xã	CAN	Xã Tây Giang	0,20	0,05		
3	Mở rộng cụm công nghiệp Bình Nghi	SKN	Xã Bình Nghi	50,00	5,72		
4	Bổ sung Dự án Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	DTL	Thị trấn Phú Phong	0,40	0,07		

7/ 2022

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
5	Mở rộng trường Mầm Non (điểm chính thôn 2)	DGD	Xã Bình Nghi	0,50	0,43		
6	Dự án thủy điện và tuyến đường dây điện 22kV thuộc dự án thủy điện hạ lưu đập dâng Phú Phong	DNL	Thị trấn Phú Phong	2,03	0,50		
VIII	HUYỆN VĨNH THẠNH			8,00	0,50	7,00	0,00
1	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Góp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh	DDT	Xã Vĩnh Thịnh	6,00		5,50	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia Góp Nước Ló xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Thạnh (Hạng mục: Đường vào Góp Nước Ló)	DGT	Xã Vĩnh Thịnh	1,50		1,50	
3	BTXM đường từ ĐH29 đến khu thể dục thể thao xã	DGT	Xã Vĩnh Thịnh	0,50	0,50		
IX	HUYỆN VÂN CANH			0,94	0,28	0,00	0,00
1	Xây dựng tuyến đường BTXM từ ruộng sạ đến suối Gấu	DGT	Canh Thuận	0,32	0,03		
2	Nhà Văn Hóa làng Hà Lũy	DVH	Canh Thuận	0,20	0,20		
3	Đường BTXM từ đất ông Nhứt đến Trường THCS	DGT	TT Vân Canh	0,42	0,05		

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
X	THỊ XÃ AN NHON			16,87	8,09	0,00	0,00
1	Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát)	DGT	xã Nhơn Mỹ	2,28	1,72		
2	Công viên Hồ sen, Nhơn Hậu (Hạng mục: đường giao thông quanh hồ, bó vỉa, vỉa hè, cây xanh) (chiều dài 1,9km; bề rộng nền đường 15m)	DGT	Xã Nhơn Hậu	3,60	1,90		
3	Nâng cấp mở rộng tuyến đường giao thông Nhơn Khánh - Nhơn Hòa (đoạn từ DT.636 kết nối với ngã ba Nguyễn Trung Trực - Trần Khánh Dư)	DGT	Xã Nhơn Khánh, Phường Nhơn Hòa	5,64	2,74	0,00	0,00
4	Di dời các tuyến điện cao thế 110kv và 220kv phục vụ thi công Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn; Đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Phường Nhơn Hòa	1,08	0,52		

Trần



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
5	Di dời hạ tầng kỹ thuật điện phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa bàn Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thuộc dự án thành phần: Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn - Chí Thạnh (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Phường Nhơn Hòa	0,05	0,01		
6	Di dời hạ tầng kỹ thuật điện phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đoạn đi qua địa bàn Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Thuộc dự án thành phần: Dự án thành phần đoạn Hoài Nhơn - Quy Nhơn (Thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	DNL	Xã Nhơn Phúc, Xã Nhơn Lộc, Phường Nhơn Hòa	0,17	0,13	0,00	0,00
7	Kho xăng dầu hàng không để cung cấp nhiên liệu cảng hàng không Phù Cát	TMD	Phường Nhơn Thành	1,30	1,00		
8	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá (hạng mục Đập Thuận Hật)	DTL	phường Nhơn Thành	1,86	0,03		
9	Đập Thanh Hoà	DTL	Phường Nhơn Hoà	0,90	0,04		

Handwritten signature/initials

STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
XI	THÀNH PHỐ QUY NHƠN			53,83	8,54	7,57	0,00
1	Xử lý sạt lở mái taluy đường đường Nguyễn Tất Thành (nối dài) do mưa lũ năm 2021	DGT	P. Lê Hồng Phong	1,10		0,86	
2	Phân khu A4 thuộc Khu Đô thị mới Long Vân Khu đất phía Tây Nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn	ODT	P. Trần Quang Diệu	9,03	3,10	0,71	
3	Khu Đô thị Khoa học và Giáo dục Quy Hòa; Hàng mục: Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software	TMD	P. Ghềnh Ráng	16,31	1,48		
4	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh (Điều chỉnh, bổ sung diện tích dự án Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh theo QĐ số 3764/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND tỉnh với diện tích tăng thêm 0,45 ha)	DTL	P. Nhơn Phú; P. Nhơn Bình;	16,95	2,85		
5	Xây dựng mới trường trung học phổ thông để giảm tải Trường Trung học phổ thông Hùng Vương	DGD	P. Nhơn Phú	2,57	0,21		

Thư



STT	Công trình, dự án	Loại đất	Địa điểm thực hiện (Phường, xã)	Diện tích thực hiện dự án (ha)	Trong đó: Sử dụng loại đất		
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)
6	Khu Quy hoạch nhà ở xã hội tại Khu đất phía Tây đường Trần Nhân Tông, phường Nhơn Phú	ODT	P. Nhơn Phú	1,87	0,90		
7	Mô đất san lấp tại phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, thuộc điểm mở số hiệu QN03.	SKX	P. Bùi Thị Xuân	6,00		6,00	
	TỔNG CỘNG			265,39	52,42	35,86	0,00

Handwritten signature/initials